***Phụ lục***

**KINH NGHIỆM QUỐC TẾ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI THU HÚT NGUỒN LỰC XÃ HỘI CHO KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**

**I. Kinh nghiệm của một số nước Châu Á**

***1. Trung Quốc***

Trung Quốc có rất nhiều các loại thuế và áp dụng các loại ưu đãi thuế khác nhau. Ưu đãi thuế được áp dụng dưới hình thức giảm thuế thu nhập và thuế thu nhập doanh nghiệp (EIT).

Chính sách thuế của Trung Quốc khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho KH&CN như sau:

- Khấu trừ nhiều hơn nữa các khoản chi tiêu cho NC&PT từ thu nhập chịu thuế.

- Thúc đẩy nhanh việc thực hiện thuế tiêu dùng giá trị gia tăng (VAT) nhằm cho phép khấu trừ phần chi dùng vào tư liệu sản xuất.

- Miễn thuế hải quan và thuế giá trị gia tăng đối với nhập khẩu các sản phẩm NCPT.

- Thúc đẩy nhanh thời hạn khấu hao thiết bị và phương tiện NCPT.

Các chính sách ưu đãi về thuế, như điều kiện thuế ưu đãi đối với vốn mạo hiểm nhằm thúc đẩy phát triển các sản phẩm mới, công nghệ mới, các doanh nghiệp công nghệ cao và các DNNVV.

Trung Quốc áp dụng giảm thuế tương đương 150% chi phí cho hoạt động NC&PT. Các khoản giảm thuế có thể áp dụng cho tới 5 năm về trước. Trung Quốc cho phép giảm 15% thuế doanh nghiệp cho các doanh nghiệp công nghệ mới và công nghệ cao (HNTE). Các doanh nghiệp công nghệ mới và công nghệ cao được hưởng cả hai loại ưu đãi thuế là giảm thuế 150% đối với các chi phí NC&PT hợp lý, hợp lệ và giảm tỷ lệ thuế doanh nghiệp.

Miễn thuế: Miễn thuế giá trị gia tăng được áp dụng đối với các dịch vụ NC&PT cung cấp cho các đối tượng là người nước ngoài. Miễn thuế giá trị gia tăng còn được áp dụng cho các dịch vụ được chuyển ra thực hiện ở nước ngoài đến 31/12/2018. Các trung tâm NC&PT được nước ngoài đầu tư cũng được miễn thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ thiết bị và các tài sản nhập khẩu khác. Các trung tâm NC&PT còn có thể yêu cầu giảm thuế giá trị gia tăng đối với việc mua các trang thiết bị của Trung Quốc. Các doanh nghiệp tư nhân về công nghệ có thể được miễn thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ sản phẩm nhập khấu sử dụng cho mục đích NC&PT.

Khuyến khích thuế áp dụng đối với các doanh nghiệp phần mềm/doanh nghiệp công nghệ như sau:

* Thu nhập 5 triệu nhân dân tệ (NDT) từ chuyển giao công nghệ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp;
* Thu nhập trên 5 triệu NDT được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp;
* Các doanh nghiệp phần mềm mới được thành lập được hoãn thuế;
* Các doanh nghiệp phần mềm phải nộp thuế được miễn thuế nhập khẩu các trang thiết bị và vật liệu mà doanh nghiệp sử dụng;
* Các ngành được áp dụng ưu đãi thuế: Chính phủ Trung Quốc quy định ưu đãi thuế được áp dụng đối với 08 ngành, lĩnh vực sau: Công nghệ thông tin điện tử; Công nghệ sinh học và y tế mới;Công nghệ hàng không và vũ trụ;Công nghệ vật liệu mới; Công nghệ năng lượng và bảo tồn năng lượng; Dịch vụ công nghệ cao; Công nghệ tài nguyên và môi trường; Chuyển đổi công nghiệp truyền thống thông qua công nghệ cao.

Các hoạt động được hưởng ưu đãi thuế bao gồm hoạt động phát triển công nghệ mới, sản phẩm mới, kỹ thuật sản xuất mới. Các chi phí được hưởng ưu đãi bao gồm chi phí nhân công, chi phí trực tiếp, chi phí khấu hao, chi phí cho thiết kế, lắp ráp thiết bị, chi phí khấu hao tài sản vô hình và các chi phí thực hiện hoạt động NC&PT khác.

***2. Hàn quốc***

Hàn quốc đã đạt được sự tăng trưởng đáng kể và hội nhập toàn cầu với vai trò là một nền kinh tế công nghiệp hóa công nghệ cao. Vài thập kỷ gần đây, nước này đã đạt thành tích xuất sắc để đuổi kịp các nền kinh tế dẫn đầu OECD và đổi mới đã góp phần quan trọng trong quá trình thu hẹp khoảng cách này.

Khu vực đóng góp chủ yếu cho NC&PT vẫn là công nghiệp (76%), tiếp theo là chính phủ (12%) và khối các trường đại học (11%). Chi tiêu doanh nghiệp cho nghiên cứu và phát triển (BERD) cũng đạt mức cao trong năm 2008, chiếm đến 2,54%GDP. Cũng trong năm này, vốn đầu tư mạo hiểm đạt 0,07%GDP, thấp hơn mức trung bình OECD.

Trọng tâm chính sách khoa học và công nghệ quốc gia của Hàn quốc từ năm 2003 đến năm 2012:

- Lập kế hoạch tăng mức đầu tư cho NC&PT lên 5% GDP vào năm 2012. Chính phủ cam kết đầu tư 66,5 nghìn tỷ won (55,4 tỷ USD) trong giai đoạn 5 năm (2008-2012). Các khuyến khích miễn giảm thuế đối với đầu tư cho nghiên cứu và phát triển sẽ được áp dụng nhằm đẩy mạnh chi tiêu tư nhân cho NC&PT, các viện nghiên cứu doanh nghiệp sẽ được giải điều tiết và tỷ lệ khấu trừ thuế từ 7-10% sẽ được áp dụng mở rộng cho những đơn vị thụ hưởng nhằm tạo điều kiện thúc đẩy đầu tư vào NC&PT.

- Chính phủ sẽ đầu tư vào các lĩnh vực chiến lược về nghiên cứu và phát triển quốc gia, như nghiên cứu cơ bản, các lĩnh vực mới nổi về công nghệ công nghiệp và công nghệ liên quan đến các vấn đề toàn cầu. Hàn Quốc sẽ trở thành quốc gia dẫn đầu trên “thị trường xanh”, được cho là sẽ đạt trị giá 3.000 nghìn tỷ won (khoảng 2,5 nghìn tỷ USD) vào năm 2020 bằng cách gia tăng hơn gấp đôi đầu tư nghiên cứu và phát triển vào các công nghệ xanh.

- Chính phủ đã tiến hành đa dạng hóa các nguồn lực tài chính để đầu tư cho NC&PT thông qua việc phát hành trái phiếu khoa học và công nghệ chính phủ (2006) và thành lập quỹ đặc khu Daedok, Quỹ thương mại hóa công nghệ và quỹ doanh nghiệp vừa và nhỏ thuộc cơ quan quản lý doanh nghiệp vừa và nhỏ. Chính phủ đã khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư nhiều hơn nữa cho NC&PT thông qua các biện pháp khuyến khích miễn giảm thuế. Kết quả là đầu tư khu vực tư nhân đã tăng với tỷ lệ trung bình hàng năm là 12,3% từ năm 2003 đến 2008.

- Chính phủ khuyến khích đổi mới trong khu vực tư nhân. Năm 2006, chính phủ Hàn quốc sửa đổi Luật chuyển giao công nghệ và đảm bảo một nguồn tài trợ xứng đáng cho NC&PT doanh nghiệp nhằm khuyến khích đổi mới. Các doanh nghiệp thực hiện khoảng ba phần tư các hoạt động nghiên cứu và phát triển tại Hàn quốc. Đồng thời, chính phủ áp dụng các biện pháp khuyến khích miễn giảm thuế để thúc đẩy đổi mới và NC&PT doanh nghiệp. Các biện pháp này bao gồm việc tăng thời gian được hưởng khấu trừ thuế áp dụng đối với các hoạt động NC&PT, phát triển nguồn nhân lực đầu tư vào thiết bị, giai tăng khấu trừ thuế từ 40% lên 50% đối với chi phí nghiên cứu thuê ngoài của các doanh nghiệp lớn và giảm thuế thu nhập và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp nghiên cứu và các công ty công nghệ mũi nhọn có trụ sở tại đặc khu Daedok. Kết quả của biện pháp này là số lượng các doanh nghiệp đổi mới ở Hàn quốc đã tăng lên đáng kể trong các năm từ 2002-2006: từ 9.705 lên 12.2018 đối với các trung tâm nghiên cứu chi nhánh của các công ty; tăng từ 1.856 lên 7.183 đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa; tăng từ 8.778 lên 12.218 đối với các công ty kinh doanh mạo hiểm.

***3. Inđônêxia***

Inđônêxia có GDP bình quân đầu người năm 2008 đạt 2.247 USD và tổng chi tiêu quốc gia cho nghiên cứu và phát triển ở mức rất thấp, chỉ đạt 0,05% GDP năm 2005. Nước này chỉ hơn Việt Nam và Campuchia về tỷ lệ đóng góp của khu vực tư nhân trong tổng chi tiêu nghiên cứu và phát triển quốc gia.

Trong những thập kỷ trước, Inđônêxia đặt trọng tâm vào xây dựng các thể chế khoa học và công nghệ. Ngoài các tổ chức nghiên cứu và phát triển thuộc các Bộ và khu vực đại học, Inđônêxia hiện có 7 cơ quan nghiên cứu và phát triển quốc gia. Trong năm 2005, 7 cơ quan này hoạt động theo một loạt chương trình ưu tiên, gồm: thực phẩm và nông nghiệp, năng lượng, quốc phòng, giao thông, công nghệ thông tin – truyền thông, y tế và dược phẩm.

Bộ Nghiên cứu và Công nghệ chịu trách nhiệm về các chính sách khoa học và công nghệ. Trong năm 2005, Bộ này đã ban hành tuyên bố Tầm nhìn 20 năm, trong đó khoa học và công nghệ là “động lực chính” cho sự thịnh vượng bền vững. Có 4 chương trình khoa học chủ chốt được xác định phát triển trong giai đoạn 2005-2009 là: (1) Nghiên cứu và phát triển; (2) Phổ biến và sử dụng khoa học và công nghệ; (3) Xây dựng năng lực thể chế; (4) Nâng cao năng lực công nghiệp của khoa học và công nghệ. Trong năm 2009, nhóm các chương trình chuyên đề cũng được xác định gồm:

* Hệ thống cảnh báo sớm sóng thần
* Phát triển phần mềm nguồn mở
* Công nghệ nông nghiệp
* Khoa học biển
* Chống khủng bố sinh học
* Đạo đức sinh học
* Công nghệ tư pháp AND
* Tính toán tài nguyên thiên thiên

Từ năm 2002, tổng thống đã ban hành hàng loạt nghị định thúc dẩy phát triển hệ thống khoa học, ví dụ như nghị định năm 2005 về chuyển giao công nghệ đối với các quyền sở hữu trí tuệ và các sản phẩm nghiên cứu và phát triển và nghị định năm 2006 về cho phép các thể chế, cơ quan và nhà nghiên cứu quốc tế được tiến hành các hoạt động nghiên cứu tại Inđônêxia.

Hoạt động sáng chế của Inđônêxia vẫn rất hạn chế trong suốt thập niên qua. Việc phát triển các trung tâm bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và các viện chuyển giao công nghệ là một phần chiến lược kích thích hoạt động sáng chế.

Bộ Nghiên cứu và Công nghệ đã xác định ba thách thức chính là: Khắc phục sự mất tượng xứng giữa các kết quả nghiên cứu của khu vực công với các nhu cầu của ngành công nghiệp; tăng cường năng lực nghiên cứu và phát triển trong khu vực tư nhân và khắc phục những rào cản cấu trúc giữa khu vực công và tư.

Các mạng lưới khoa học đã được xác định là cơ chế để đối phó với những thách thức này. Các chính sách hiện nay tập trung vào nuôi dưỡng sự hợp tác quốc gia trong các lĩnh vực then chốt được nêu ở trên để chia sẻ nguồn lực, khai thác quy mô kinh tế và xây dựng các trung tâm xuất sắc. Liên kết quốc tế đang được khuyến khích để tăng chất lượng và số lượng nhà nghiên cứu tham gia và nghiên cứu quốc tế.

***4. Malaysia***

Malaysia đã đạt được tiến bộ nhanh chóng trong phát triển kinh tế, khoa học và công nghệ từ sau cuộc khủng hoảng tài chính ở Châu Á cuối thập kỷ 90. GDP trên đầu người của nước này đạt 8.197 USD năm 2008, trong khi đó mức chi tiêu quốc gia cho nghiên cứu và phát triển trên GDP đã tăng từ 0,49% năm 2000 lên 0,64% năm 2006.

Sự gia tăng tỷ lệ chi tiêu của doanh nghiệp cho nghiên cứu và phát triển trong tổng chi tiêu quốc gia cho nghiên cứu và phát triển là phần đóng góp chính cho sự tăng trưởng này, từ 58% năm 2000 lên 85% năm 2006. Trong tương lại gần, đây có thể là con dao hai lưỡi, bởi những thu hẹp trong đầu tư cho nghiên cứu và phát triển của nhiều công ty đa quốc gia do suy thoái toàn cầu có thể tạo ra khoảng trống mà chi tiêu công khó bù đắp nổi. Trong xếp hạng chỉ số tri thức, Malaysia vẫn vững vàng ở vị trí thứ 48. Nền kinh tế nước này được đánh giá khá cao về đổi mới công nghệ, thông tin và truyền thông.

Bộ Khoa học, công nghệ và đổi mới là cơ quan quốc gia xây dựng các chính sách khoa học, công nghệ và đổi mới hướng vào mục tiêu chung. Kế hoạch quốc gia cho chính sách khoa học và công nghệ 2002-2020 được thông qua năm 2003, vạch ra một chiến lược rõ ràng phát triển các thể chế và đối tác để nâng cao vị thế kinh tế của Malaysia. Trong chiến lược này có 4 mục tiêu xây dựng năng lực cụ thể: năng lực thể chế khoa học và công nghệ, thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu và phát triển; phát triển nguồn nhân lực và tạo ra văn hóa doanh nghiệp công nghệ. Kế hoạch quốc gia đặt ra các mục tiêu công nghiệp cho cơ sở khoa học như sau:

* Vật liệu và chế tạo tiên tiến
* Vi điện tử
* Công nghệ sinh học
* Công nghệ thông tin – truyền thông và đa phương tiện
* Năng lượng
* Hàng không
* Công nghệ nano
* Quang điện tử
* Dược phẩm

Trong thập kỷ qua, Malaysia có sự chuyển hướng rõ rệt vào các nghiên cứu và phát triển theo nhu cầu. Tuy nhiên, việc thiếu các kỹ năng dường như đã cản trở các nỗ lực phát triển của nước này. Mặc dù có sự gia tăng đáng kể về nhân lực khoa học và công nghệ nói chung, nhưng trong nhiều lĩnh vực đã cho thấy sự suy giảm cán bộ khoa học, trừ ngành hóa học và khoa học nông nghiệp. Một thách thức lớn khác của Malaysia là duy trì và nuôi dưỡng tăng trưởng trong đầu tư công vào khoa học cơ bản để vượt qua giai đoạn suy giảm kinh tế toàn cầu hiện tại.

Thương mại hóa các kết quả nghiên cứu công bắt đầu được đề cập trong kế hoạch Malaysia lần thứ 6 (1991-1995), nhấn mạnh rằng các chương trình nghiên cứu và phát triển công cần định hướng thị trường nhiều hơn bằng cách khai thác thương mại hóa các nghiên cứu công nghệ. Các kế hoạch sau đó vẫn cần tiếp tục nỗ lực này.

Năm 2007, Malaysia đã thông qua chính sách sở hữu trí tuệ quốc gia, năm 2009 thông qua chính sách thương mại hóa tài sản trí tuệ cho các dự án nghiên cứu và phát triển do chính phủ tài trợ. Chính sách sau tuyên bố rằng các tổ chức nghiên cứu được quyền sở hữu đối với các bằng sáng chế. Chính sách này phản ánh Luật Bayh-Dole và nhằm thúc đẩy việc quản lý thương mại hóa kết quả nghiên cứu tại các tổ chức nghiên cứu công và trường đại học.

Luật này có điểm độc đáo ở chỗ nó xem xét sáu trường hợp sở hữu bằng sáng chế, bao gồm quyền sở hữu riêng của chính phủ, quyền sở hữu riêng của trường đại học (hoặc tổ chức nghiên cứu nhận được tài trợ), quyền sở hữu chung (cơ sở nghiên cứu và chính phủ) và đồng sở hữu bên thứ ba. Người sử dụng lao động cần chia doanh thu với các nhà nghiên cứu phù hợp với bảng phân chia (250.000 rupi đầu tiên nhà phát minh hưởng 100%, trên 5.000.000 thì nhà phát minh hưởng 40% và tổ chức hưởng 60%). Các khuyến khích khác được chính phủ đề xuất bao gồm các khoản thanh toán liên quan để công bố thông tin, đăng ký và cấp bằng sáng chế.

Một số văn phòng chuyển giao công nghệ được thành lập tại các trường đại học và viện nghiên cứu hàng đầu. Chương trình đổi mới quốc gia gần đây định hướng một cách rõ ràng vào mục tiêu thương mại hóa các nghiên cứu tại các cơ quan nghiên cứu công và trường đại học thông qua một loạt công cụ chính sách. Kế hoạch chính sách khoa học và công nghệ lần thứ hai 2002-2020, được thông qua vào năm 2003 đặt ra một chiến lược rõ ràng về phát triển quan hệ đối tác, nuôi dưỡng thương mại hóa các kết quả nghiên cứu và phát triển. Đến nay, Malaysia đã có một số thành công trong thương mại hóa sáng chế và công nghệ. Tuy nhiên, những nỗ lực sáng tạo và thương mại hóa sở hữu trí tuệ vẫn còn khá hạn chế.

Malaysia có rất nhiều hình thức khuyến khích về thuế cho hoạt động NC&PT. Quan trọng nhất trong các hình thức này là miễn giảm thuế hai lần cho chi tiêu cho hoạt động NC&PT theo điều 34A của Luật thuế thu nhập (ban hành năm 1967). Điều khoản này có hiệu lực từ năm 1987. Cho tới năm 1996, việc áp dụng các khuyến khích này do hai cơ quan quản lý là Cơ quan Phát triển Công nghiệp Malaysia (MIDA), chịu trách nhiệm việc thông qua hồ sơ của các dự án nghiên cứu và Cơ quan thuế trong nước (IRB), chịu trách nhiệm về các hồ sơ về các chi phí được cho phép. Các luật này quy định rằng chi tiêu cho hoạt động NC&PT đủ tiêu chuẩn sẽ được miễn giảm thuế gấp đôi. Thêm vào đó, để đạt tiêu chuẩn các hoạt động NC&PT phải hội đủ các điều kiện sau:

* Các hoạt động nghiên cứu thực hiện phải phù hợp với nhu cầu của đất nước;
* Các nhà nghiên cứu nước ngoài có thể được tuyển dụng nhưng công ty bắt buộc phải cố gắng đào tạo nghiên cứu viên trong nước;
* Tất cả các hoạt động nghiên cứu và triển khai phải thực hiện tại Malaysia;
* Các hoạt động mà chỉ liên quan đến thử nghiệm một sản phẩm cho phù hợp với các điều kiện về tiêu chuẩn đăng ký bắt buộc theo yêu cầu của bất kì bộ Luật nào của Malaysia không được tính là hoạt động NC&PT được miễn trừ thuế gấp đôi.

Tuy nhiên, các chi tiêu này không bao gồm chi lương cơ bản cho các nhà khoa học liên quan đến các dự án nghiên cứu nhưng lại bao gồm các chi phí đi lại tới địa bàn nghiên cứu, phí tư vấn trả cho các tổ chức nghiên cứu nhất định để thu thập thông tin hoặc tư vấn liên quan đến thực hiện dự án nghiên cứu. Mặt khác, các chi tiêu phát sinh liên quan đến nhà máy và máy móc, tài sản cố định, đất đai, nhà xưởng, …không được tính vào chi phí được miễn giảm thuế. Việc miễn giảm thuế hai lần có tính cho các khoản chi trả khi sử dụng dịch vụ của các tổ chức NC&PT (bao gồm các viện nghiên cứu, doanh nghiệp nghiên cứu, công ty thực hiện hợp đồng NC&PT và doanh nghiệp NC&PT) và cả các chi phí bằng tiền nhằm cho các viện nghiên cứu đã được phê duyệt.

Điểm quan trọng trong chính sách thuế này là các khuyến khích về thuế cho hoạt động nghiên cứu và triển khai của Malaysia được áp dụng cho tất cảc các doanh nghiệp, không có sự phân biệt doanh nghiệp vừa và nhỏ hay doanh nghiệp lớn cũng như doanh nghiệp trong nước hay doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài tuy nhiên Malaysia lại đưa ra các tỷ lệ miễn thuế khác nhau cho cùng hoạt động NC&PT, tùy thuộc vào hình thức cơ quan nào thực hiện hoạt động NC&PT (chủ yếu phân biệt Doanh nghiệp NC&PT và doanh nghiệp thực hiện NC&PT theo hợp đồng) và mặc dù các chương trình khuyến khích được đưa ra cho tất cả các hoạt động NC&PT thực hiện tại Malaysia nhưng chú trọng nhiều hơn cho các doanh nghiệp trang trải chi phí cho hoạt động NC&PT hơn là các doanh nghiệp thực hiện hoạt động NC&PT.

**II. Kinh nghiệm của một số nước Châu Âu**

1. **EU**

Trong chiến lược Lisbon 2002, EU đặt ra mục tiêu 3% GDP dành cho nghiên cứu và phát triển vào năm 2010, trong chiến lược thông qua vào năm 2010, EU vẫn tiếp tục duy trì mục tiêu 3% cho năm 2020

Ngân sách dành cho nghiên cứu và phát triển trong tổng chi của các chính phủ thuộc EU tuy có tăng trưởng trong giai đoạn 2000-2008 nhưng với mức trung bình 1,5% trong năm 2008, ngân sách dành cho nghiên cứu và phát triển trong tổng chi tiêu của chính phủ vẫn dậm chân tại chỗ từ năm 2000. Năm 2008, khu vực chính phủ tài trợ cho 33,9% tổng chi tiêu cho nghiên cứu và phát triển ở 27 nước EU, còn các doanh nghiệp tài trợ 54,8%. Nguồn tài trợ lớn thứ ba là từ nước ngoài (cả các nguồn công lẫn tư nhân)

Nguồn tài chính của chính phủ cho nghiên cứu và phát triển chỉ bao gồm tài trợ trực tiếp cho nghiên cứu và phát triển thông qua các khoản cấp, vay và mua sắm mà chính phủ dành cho các công ty tư nhân. Các khoản tài trợ gián tiếp thông qua các chế độ ưu đãi thuế (khấu trừ thuế nghiên cứu và phát triển, giảm thuế, tăng khấu hao tài sản nghiên cứu và phát triển) không được gộp vào tài trợ nghiên cứu và phát triển của chính phủ. Trong khi đó, ở nhiều nước thành viên EU, một phần hỗ trợ của nhà nước cho nghiên cứu và phát triển là thông qua các ưu đãi thuế nghiên cứu và phát triển. Ở một số nước, hầu hết hỗ trợ của chính phủ dành cho nghiên cứu và phát triển trong doanh nghiệp được thực hiện bằng các ưu đãi thuế nghiên cứu và phát triển như Bỉ, Hà Lan, Đan Mạch… Một số nước thành viên khác như Pháp, Áo, Anh…các ưu đãi thuế nghiên cứu và phát triển chiếm phần lớn hỗ trợ của chính phủ cho nghiên cứu và phát triển ở doanh nghiệp.

Về tổng thể, chi tiêu cho nghiên cứu và phát triển ở EU do doanh nghiệp tài trợ gần như không thay đổi từ năm 2000 ở mức 1,05%GDP. Cùng với các nguồn tài chính khác như từ nước ngoài và tư nhân phi lợi nhuận, chi tiêu cho NC&PT của khu vực tư nhân vào khoảng 1,2%GDP ở 27 nước EU, thấp xa so với mục tiêu 2%.

Một số chương trình nghiên cứu của EU: Chương trình khung về nghiên cứu và phát triển với triết lý không đơn thuần là tài trợ cho nghiên cứu tốt nhất hoặc thiết thực nhất. Nó luôn có 2 mục tiêu lớn. Kích thích sự hợp tác giữa các nhà nghiên cứu và giữa các công ty, trường đại học và các viện nghiên cứu trên toàn bộ các nước tham gia là một mục đích; thứ hai là điều phối những nỗ lực và chính sách nghiên cứu quốc gia. Chương trình khung lần thứ 7 hiện nay gồm 6 mảng lớn: Hợp tác, Ý tưởng, Con người, Năng lực, Các hoạt động dân dụng (nhiệt hạch, phân hạch, an toàn phóng xạ) và các hoạt động phi hạt nhân của Trung tâm nghiên cứu chung.

Tổng ngân sách của Chương trình khung lần thứ 7 gồm 2 phần: 50,5 tỷ euro được phân bổ cho giai đoạn 7 năm và 2,7 tỷ euro cho giai đoạn 5 năm. Như vậy mỗi năm trung bình 7,7 tỷ euro, tương đương 8 – 8,5% tài trợ công cho NC&PT.

Eureka được thiết lập từ năm 1985, sau đó phát triển rộng khắp toàn châu âu kích thích đổi mới trong công nghiệp thông qua hợp tác chặt chẽ giữa các doanh nghiệp, trường đại học và viện nghiên cứu. Năm 2010, số dự án trong Eureka là 722 với tổng ngân sách 1,3 tỷ euro và sự tham gia của 2640 tổ chức (trong đó 476 doanh nghiệp lớn, 1174 doanh nghiệp nhỏ và vừa, 459 trường đại học, 491 viện nghiên cứu và 40 cơ quan chính phủ của các nước).

1. **Anh**

Các lĩnh vực ưu tiên trong chính sách nghiên cứu và đổi mới quốc gia gồm:

* Môi trường, biến đổi khí hậu và biển
* Y tế và các khoa học nhân văn (bao gồm công nghệ sinh học)
* Vật liệu mới/công nghệ (bao gồm công nghệ nano)
* Công nghệ thông tin và truyền thông

Chính phủ cam kết xúc tiến đổi mới thông qua kế hoạch khấu trừ thuế nghiên cứu và phát triển. Theo kế hoạch này, trên 36.000 yêu cầu được đáp ứng với mức khấu trừ trên 3 tỷ bảng, hỗ trợ hơn 32 nghìn tỷ bảng cho các hoạt động NC&PT của các công ty. Để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiếp cận dễ dàng, chính phủ tuyên bố bỏ điều kiện ràng buộc các công ty yêu cầu phải sở hữu tài sản trí tuệ từ các NC&PT. Điều này cho phép các công ty hưởng lợi từ kế hoạch mà không ảnh hưởng đến các kế hoạch kinh doanh của mình liên quan đến tài sản trí tuệ.

Anh hướng tới chính sách mua sắm của chính phủ khuyến khích đổi mới hơn. Các cơ quan của chính phủ được yêu cầu xây dựng và phát triển kế hoạch mua sắm đổi mới. Cơ quan mua sắm và bộ đổi mới (BIS) đưa ra tư vấn thực tế cho các bên mua, sao cho đảm bảo rằng đổi mới nằm trong các hoạt động mua sắm.

1. **Pháp**

Trong thời kỳ 2008, 2009, mục tiêu chung của các chính sách đổi mới nhằm tăng hỗ trợ cho đổi mới và nghiên cứu phát triển doanh nghiệp, tập trung vào ba ưu tiên: tăng cường khuyến khích cho khu vực tư nhân; tạo nên những liên kết giữa các thành phần thực hiện chính trong quy trình đổi mới ở các cụm cạnh tranh; hỗ trợ năng lực cạnh tranh ở các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Chiến lược này được bổ sung 4 năm một lần. Chiến lược này đã tăng cường khuyến khích cho khu vực tư nhân đầu tư vào NC&PT (tang khấu trừ thuế nghiên cứu), phát triển đồng bộ giữa các thành phần thực hiện đổi mới chủ chốt và cải thiện chuyển giao nghiên cứu công sang đổi mới (chính sách các cụm cạnh tranh, hỗ trợ cạnh tranh và tăng trưởng các doanh nghiệp vừa và nhỏ thông qua tài trợ hiệu quả hơn. Ba ưu tiên trong 4 năm tới gồm: Công nghệ y tế, đời sống, thực phẩm và công nghệ sinh học; các công nghệ môi trường, khẩn cấp và sinh thái; các công nghệ thông tin, truyền thông và nano.

Chính phủ đóng vai trò then chốt trong duy trì sức cạnh tranh công nghiệp và thúc đẩy nghiên cứu tiên phong trong những lĩnh vực công nghệ tiên tiến. Để giải quyết tình trạng tụt hậu ngày càng tăng ở một số lĩnh vực như công nghệ nano và công nghệ sinh học, Pháp đã tăng tài trợ cho nghiên cứu công nghệ Nano lên tới 70 triệu euro.

Trong chính sách kích cầu đổi mới, Pháp thúc đẩy việc mua sắm các sản phẩm đổi mới từ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, dành 15% các hợp đồng công nghệ nhỏ cho các doanh nghiệp đổi mới nhỏ và vừa. Điều này áp dụng cho tất cả công ty vừa và nhỏ dành từ 10-15% chi tiêu của họ cho NC&PT hay đáp ứng các điều kiện khác liên quan đến đổi mới.

**III. Kinh nghiệm quốc tế tài trợ cho khởi nghiệp sáng tạo**

***1. Vốn tài trợ không hoàn lại***

Vốn tài trợ không hoàn lại là “tiền miễn phí”, nghĩa là bên nhận không có nghĩa vụ phải hoàn lại hay chia sẻ doanh thu trong tương lai. Đây là khoản vốn Chính phủ thường cấp cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong giai đoạn chứng minh ý tưởng hoặc giai đoạn tài trợ tiền hạt giống. Cơ sở của việc cấp vốn tài trợ không hoàn lại là các doanh nghiệp khởi nghiệp trong những giai đoạn này thường có mức rủi ro rất cao nên không hấp dẫn với các nhà đầu tư tư nhân, và do đó, khó có khả năng thu hút đầu tư. Thông qua việc cấp vốn tài trợ không hoàn lại, Chính phủ giúp các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo duy trì hoạt động qua giai đoạn định hình và thời kỳ dễ đổ vỡ (thung lũng chết), hỗ trợ các doanh nghiệp này tới thời điểm có khả năng thu hút nguồn vốn đầu tư từ khu vực tư nhân. Đối với những ngành công nghệ cao, vốn tài trợ không hoàn lại thường được cấp cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo để phát triển công nghệ hoặc sản phẩm mẫu.

1.1 Phần Lan

Cơ quan Hỗ trợ Doanh nghiệp Phần Lan (sáp nhập giữa Tekes và Finpro năm 2018) điều hành nhiều chương trình khác nhau trong hoạt động tài trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo dành cho các doanh nghiệp Phần Lan đáp ứng một số tiêu chí nhất định (thời gian hoạt động dưới 5 năm, có ý tưởng tiềm năng cao và có đội ngũ nhiều hứa hẹn, thể hiện nhiệt huyết khám phá thị trường toàn cầu). Những chương trình cụ thể hướng tới đối tượng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo gồm:

Chương trình Tempo tập trung vào giai đoạn chứng minh ý tưởng để các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tìm hiểu nhu cầu và thu thập phản hồi từ những khách hàng tiềm năng và phát triển sản phẩm mẫu. Mức tài trợ tối đa là €50.000 chiếm tối đa 75% chi phí của dự án. Khi có quyết định tài trợ, 70% vốn tài trợ sẽ được ứng trước và phần còn lại sẽ được thanh toán trên cơ sở chi phí doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo báo cáo[[1]](#footnote-1).

Chương trình doanh nghiệp sáng tạo mới thành lập hướng tới các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo đang tăng trưởng (sau giai đoạn chứng minh ý tưởng, trong giai đoạn thu hút khách hàng và tăng trưởng) hoạt động dưới 5 năm, thuộc nhóm doanh nghiệp nhỏ, độc lập (số lao động tối đa 50 người, doanh thu hàng năm tối đa €10 triệu hoặc cân đối kế toán quyết toán tối đa €10 triệu) và có ý định mở rộng ra toàn cầu. Tài trợ tối đa €1,25 triệu, trong đó tối đa €500.000 vốn tài trợ không hoàn lại và €700.000 vốn vay. Cơ quan Hỗ trợ Doanh nghiệp Phần Lan tài trợ 75% chi phí hợp lệ của dự án. Vốn được cấp theo 3 giai đoạn và theo các mốc dự án.

Chương trình vốn tài trợ nghiên cứu, phát triển và thí điểm dành cho những doanh nghiệp đã kiểm nghiệm mức độ phù hợp của ý tưởng sản phẩm, dịch vụ và có mục tiêu mở rộng thị trường xuất khẩu. Mục tiêu là hỗ trợ doanh nghiệp phát triển sản phẩm, dịch vụ, phương pháp sản xuất và mô hình kinh doanh (giai đoạn thu hút khách hàng, giai đoạn phát triển). Đối với doanh nghiệp phát triển công nghệ và tri thức mới, vốn tài trợ được cấp dưới dạng không hoàn lại. Mức tài trợ tối đa không được quy định cụ thể mà theo nhu cầu của dự án.

Chương trình Explorer cấp vốn tài trợ không hoàn lại cho các DNNVV và doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo để mua thông tin mới và các dịch vụ chuyên gia nhằm hỗ trợ tăng trưởng trên thị trường quốc tế. Mức tài trợ tối đa là €5.000–10.000, cho 50% tổng chi phí dịch vụ chuyên gia, bao gồm những dịch vụ như kế hoạch và chiến lược vươn ra thị trường quốc tế, điều tra khảo sát cơ hội kinh doanh, điều tra khảo sát và phân tích thị trường và trước khi xây dựng ý tưởng.

Into hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo mua các dịch vụ mở rộng thị trường quốc tế nhưng tập trung cho dịch vụ liên quan đến công nghệ và nghiên cứu như chuẩn bị chiến lược sở hữu trí tuệ, khai thác kết quả nghiên cứu, sử dụng ngân hàng dữ liệu, chi phí văn phòng và phòng thí nghiệm, đào tạo nâng cao về đổi mới sáng tạo. Mức tài trợ tối đa là €200.000 và tối thiểu là €15.000. Hình thức thanh toán là hoàn chi theo báo cáo chi phí.

Phiếu bảo chi đổi mới sáng tạo là vốn tài trợ không hoàn lại để mua các dịch vụ đổi mới sáng tạo như chiến lược phát triển sản phẩm và dịch vụ, lập kế hoạch dự án đổi mới sáng tạo, dịch vụ đo lường và thử nghiệm liên quan đến đổi mới sáng tạo và khai thác các kết quả nghiên cứu. Đối với mỗi nhà thầu, khoản vốn tài trợ không hoàn lại sẽ không vượt quá €5.000 + thuế giá trị gia tăng (VAT). Phiếu bảo chi có thể sử dụng để mua các dịch vụ từ tối đa hai nhà cung cấp dịch vụ.

Tài trợ tham dự hội chợ thương mại cấp cho nhóm gồm tối thiểu 4 DNNVV tham gia các hội chợ thương mại lớn thuộc ngành ở nước ngoài. Tài trợ 50% chi phí và tối đa €30.000 mỗi hội chợ.

1.2 Singapore

Chương trình StartupSG Founder cấp vốn tài trợ và tư vấn cho các sáng lập viên khởi nghiệp sáng tạo lần đầu. SPRING là tổ chức chính triển khai chương trình này. SPRING chi đối ứng 3 đô la Singapore cho mỗi đô la mà chủ doanh nghiệp huy động được. Một số quy định bao gồm thành viên sáng lập cần sở hữu trên 30% doanh nghiệp và làm việc toàn thời gian trong doanh nghiệp. Tối thiểu 51% cổ phần của doanh nghiệp thuộc sở hữu trong nước và có thời gian thành lập không quá 6 tháng tính tới thời điểm nộp hồ sơ xin tài trợ. Các tiêu chí tài trợ bao gồm có ý tưởng kinh doanh sáng tạo, mô hình kinh doanh khả thi, có thị trường tiềm năng và năng lực quản lý của thành viên sáng lập. SPRING sử dụng các tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo bên ngoài đã được cơ quan này chứng nhận để hỗ trợ công tác sàng lọc và lựa chọn doanh nghiệp khởi nghiệp tiềm năng được tài trợ.

StartupSG Tech cung cấp vốn tài trợ giai đoạn đầu để thương mại hóa ý tưởng công nghệ. Từ tháng 8 năm 2017, khoản tài trợ này được cấp theo mốc dự án (tức tiền tài trợ sẽ được chuyển dần cho ứng viên thành công khi đạt mốc nào đó) thay vì theo cách hoàn chi phí như trước đây. Có 2 loại hình tài trợ: Chứng minh ý tưởng (POC) và Chứng minh giá trị (POV), với mức tối đa lần lượt là 250.000 và 500.000 đô la Singapore. Đối với vốn tài trợ POV, các doanh nghiệp khởi nghiệp cần chứng minh sự quan tâm của nhiều đối tượng khách hàng. Khoản tài trợ này bao gồm một phần nhỏ vốn chủ sở hữu mà SPRING có thể kích hoạt để sở hữu cổ phần của doanh nghiệp.

***2. Vốn vay***

*2.1 Vốn vay ngân hàng và vốn ưu đãi của Chính phủ*

Vốn vay ngân hàng

Đây là hình thức tín dụng, trong đó người cho vay cam kết với khách hàng một khoản tiền sẽ được sử dụng vào một mục đích cụ thể trong một thời gian cụ thể phù hợp với các nguyên tắc trả gốc và lãi. Thông thường các sản phẩm tín dụng/vay vốn của ngân hàng được chia thành hai nhóm: vốn vay thế chấp và vốn vay tín chấp. Vốn vay có bảo đảm là hình thức vay tiền của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng mà người đi vay sử dụng tài sản (như xe ô tô hay bất động sản) để bảo đảm cho khoản vay. Vốn vay tín chấp là hình thức vay vốn không có người bảo lãnh hay tài sản thế chấp. Lãi suất của khoản vay tín chấp thường cao hơn lãi suất khoản vay có bảo đảm.

Vốn vay ưu đãi

Đây là loại hình cho vay lãi suất gần như bằng 0 hoặc thấp hơn mức lãi suất thị trường và thường có điều khoản ân hạn (giai đoạn ân hạn kéo dài chỉ tính lãi suất hoặc phí dịch vụ và ưu đãi lãi suất). Vốn vay ưu đãi thường do Chính phủ cấp để hỗ trợ doanh nghiệp trong giai đoạn mở rộng hơn là doanh nghiệp trong giai đoạn NC&PT do mức độ trưởng thành và khả năng trả nợ vay của doanh nghiệp.

*Phần Lan*

Năm 2016, Tekes tài trợ tổng cộng 467 triệu Euro cho 3,760 dự án, trong đó 194 triệu Euro là vốn vay NC&PT cho các doanh nghiệp[[2]](#footnote-2). Một vài loại hình vốn vay gồm:

Vốn vay nghiên cứu, phát triển và thí điểm, là vốn vay phục vụ công tác nghiên cứu, phát triển và thí điểm. Mức lãi suất năm 2017 là 1% và không cần tài sản thế chấp. Nếu dự án không thành công, khoản vay được chuyển đổi thành vốn tài trợ không hoàn lại. Khoản vay chi trả 50% hoặc 70% tổng chi phí của dự án. Theo nguyên tắc, giai đoạn vay là 7 hoặc 10 năm trong đó 3 hoặc 5 năm, hoặc lâu hơn nếu cần, có thể không cần trả dần. Khi bắt đầu dự án, 30% vốn vay được ứng trước, phần còn lại sẽ được chi theo chi phí của dự án.

Vốn vay cho doanh nghiệp sáng tạo mới thành lập (NIY) tối đa lên tới 700.000 Euro và chi trả tới 75% chi phí dự án. Vốn vay được giải ngân theo 3 giai đoạn.

*Nhật Bản*

Để triển khai Đạo luật cơ bản về thúc đẩy phát triển doanh nghiệp nhỏ được thông qua ngày 20/6/2014 và Đề án cơ bản về thúc đẩy phát triển doanh nghiệp nhỏ (ngày 3/10/2014), Chính phủ Nhật Bản đã công bố nhiều chương trình hỗ trợ khác nhau bao gồm chương trình vay vốn dành cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo như:

Chương trình vay vốn cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo mới: Trong khuôn khổ chương trình này, Tổng công ty Tài chính Nhật Bản (JFC) cho vay tín chấp không bảo lãnh với những người thành lập doanh nghiệp mới hoặc vừa mới khởi nghiệp. Mức tài trợ tối đa là 72 triệu Yên, tương đương 700,000 USD (bao gồm 48 triệu Yên - 470.000 USD là vốn lưu động). Điều khoản vay vốn là tối đa 20 năm đối với khoản vay đầu tư dài hạn và tối đa 7 năm đối với các khoản vay sử dụng làm vốn lưu động[[3]](#footnote-3).

Chương trình vay vốn hỗ trợ các đối tượng doanh nhân là nữ, người trẻ tuổi và người cao tuổi: Để hỗ trợ các nhóm doanh nhân khác nhau khởi nghiệp, JFC cung cấp các khoản vay lãi suất thấp dành cho phụ nữ, thanh niên dưới 30 tuổi và người từ 55 tuổi trở lên, là những người đã bắt đầu hoạt động kinh doanh trong vòng 7 năm. Đến tháng 12/2016, Chương trình đã cho vay 149.581 lượt với tổng giá trị 75,1 tỷ Yên[[4]](#footnote-4).

Tài trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo hoạt động lại: Với những doanh nhân thất bại trong kinh doanh ở vai trò quản lý đã từng được quan sát, JFC cho những ứng cử viên gặp khó khăn vay khi bắt đầu kinh doanh lại từ đầu.

Các khoản vay khác: JFC cũng cho các doanh nghiệp vi mô vay không bảo lãnh lãi suất thấp.

*2.2 Cho vay ngang hàng*

Cho vay ngang hàng là phương thức tài trợ nợ cho phép các cá nhân và doanh nghiêp vay và cho vay lẫn nhau mà không cần tới trung gian tài chính là các định chế tài chính chính thống. Cho vay ngang hàng loại bỏ đơn vị trung gian trong quy trình thực hiện, tuy nhiên hình thức cho vay này cũng đòi hỏi nhiều thời gian, công sức và có rủi ro cao hơn so với các hình thức cho vay thông thường.

Với hình thức này, người vay sẽ vay từ các nhà đầu tư cá nhân, những người sẵn sàng lấy tiền của mình ra để cho vay ở mức lãi suất thỏa thuận. Hồ sơ của người vay thường được cung cấp trên nền tảng cho vay ngang hàng trực tuyến, nơi nhà đầu tư có thể đánh giá hồ sơ của người vay để quyết định có cho họ vay tiền hay không. Người vay có thể nhận được toàn bộ số tiền vay hoặc chỉ một phần số tiền muốn vay từ nhà đầu tư. Trong trường hợp sau, số tiền vay còn lại có thể được cung cấp bởi một hoặc nhiều nhà đầu tư khác trên thị trường cho vay ngang cấp. Trong hoạt động cho vay ngang hàng, một khoản vay có thể đến từ nhiều nguồn khác nhau và khoản thanh toán hàng tháng phải được thực hiện cho từng cá nhân cho vay tương ứng.

Có hai hình thức cho vay ngang hàng: cho vay tiêu dùng ngang hàng và cho vay kinh doanh ngang hàng. Trong hình thức đầu tiên, một cá nhân sẽ cho các cá nhân khác vay. Ở trường hợp sau, doanh nghiệp, chủ yếu là doanh nghiệp DNNVV sẽ vay từ cả cá nhân và tổ chức để phát triển các dự án của mình.

Anh

Năm 2017, Anh là nền kinh tế lớn thế ba thế giới trong lĩnh vực tài chính thay thế với tổng giá trị gọi vốn lên tới 4,6 tỷ bảng đạt được cùng năm36, trong đó, 3,55 tỷ bảng là tổng số tiền gọi vốn từ các mô hình cho vay so với 0,28 tỷ từ các mô hình góp vốn cổ phần.

Chỉ tính riêng hoạt động gọi vốn dựa trên cho vay, các quy định liên quan được đưa ra trong Đạo luật Thị trường và Dịch vụ Tài chính năm 2000 tại điều 36H. Theo điều luật này, các nền tảng gọi vốn theo hình thức cho vay phải hỗ trợ thực hiện hợp đồng giữa bên cho vay và bên vay, không chấp nhận hình thức nhận tiền gửi. Các nền tảng này cũng phải thực hiện báo cáo hàng quý lên Cơ quan Quản lý Tài chính Anh. Tại Anh, bên cho vay sử dụng nền tảng dựa trên cho vay có thể hưởng lợi từ các công cụ thuế.

Vào năm 2016, Chính phủ Anh triển khai Chương trình Tài khoản Tiết kiệm Cá nhân Tài trợ đổi mới sáng tạo - Innovation Finance ISA, một công cụ tài chính dành riêng cho hoạt động gọi vốn dưới hình thức cho vay. Mặc dù các tổ chức phải được ủy quyền và cấp phép để phục vụ khách hàng trong chương trình, tuy nhiên theo dự báo, Chương trình Tài khoản Tiết kiệm Cá nhân này giúp gia tăng đáng kể nguồn vốn cho vay cá nhân năm 2016 thông qua các nền tảng cho vay được Cơ quan Quản lý tài chính Anh cấp phép đầy đủ.

Malaysia

Tại Malaysia, Ủy ban Chứng khoán Malaysia (MSC) đã xây dựng các quy định về cho vay ngang hàng, có hiệu lực từ tháng 5/2016. Theo quy định của MSC, thông qua các nền tảng cho vay ngang hàng, nhà đầu tư mua giấy chứng nhận đầu tư hoặc văn bản chứng nhận đầu tư chứng khoán do các doanh nghiệp tham gia nền tảng phát hành. Mặc dù là nền tảng mở cho mọi nhà đầu tư nhưng số tiền đầu tư tối đa của nhà đầu tư cá nhân bị giới hạn ở mức 50.000 MYR (12.773 USD) tại mọi thời điểm.

***3. Vốn cổ phần***

Liên quan tới hoạt động đầu tư góp vốn cổ phần cá nhân vào các doanh nghiệp khởi nghiệp và các công ty chưa niêm yết, có hai hình thức phổ biến là Quỹ đầu tư cổ phần tư nhân và Quỹ đầu tư mạo hiểm. Cả hai hình thức này đều thu hút vốn từ các nhà đầu tư định chế và nhà đầu tư được công nhận, những người có thể dành ra một khoản vốn lớn để đầu tư dài hạn. Tuy nhiên, đầu tư cổ phần tư nhân thường được thực hiện theo hình thức mua lại toàn bộ (100% vốn) hoặc giành quyền kiểm soát các công ty tư nhân đã thành lập, đã phát triển hoặc theo hình thức tham gia mua lại các công ty đại chúng, dẫn tới các công ty đại chúng này có thể bị hủy niêm yết. Trong khi đó, Quỹ đầu tư mạo hiểm thường không giành quyền kiểm soát mà chỉ đầu tư một phần vốn (dưới 50%) vào các công ty mới thành lập và có tiềm năng tăng trưởng lớn.

Theo Báo cáo Venture Pulse của KPMG công bố vào quý 4/2017, các công ty được hỗ trợ bởi các quỹ đầu tư mạo hiểm đã gọi được số vốn lên tới 46 tỷ USD với 2.662 giao dịch được thực hiện trên toàn thế giới trong quý 4 năm 2017. Năm 2017, quy mô trung bình của một khoản đầu tư mạo hiểm trên phạm vi toàn cầu là 1 triệu USD cho giai đoạn hạt giống, 6 triệu USD đối với vòng series A (giai đoạn đầu) và 14,5 triệu USD vòng series B (giai đoạn sau đó), cho thấy mức tăng mạnh so với năm ngoái (0,7 triệu USD, 5 triệu USD và 12 triệu USD lần lượt cho các giai đoạn hạt giống, series A và series B) (KPMG Enterprise, 2018).

Hoạt động đầu tư mạo hiểm tại hầu hết các nước đều tuân theo luật chứng khoán của từng nước. Theo thời gian, điều khoản trong các quy định chứng khoán dường như không cònphù hợp để thúc đẩy hoạt động đầu tư vào các doanh nghiệp khởi nghiệp, do các điều kiện thành lập quỹ, tuân thủ vận hành và các quy định báo cáo tài chính tương đối chặt chẽ và phức tạp đối với các quỹ đầu tư mạo hiểm.

Nhằm thúc đẩy đầu tư vào các doanh nghiệp khởi nghiệp, nhiều quốc gia đã xây dựng các quy định nới lỏng hơn đối với các nhà đầu tư khởi nghiệp. Một vài ví dụ có thể kể đến như:

Singapore

Tháng 10 năm 2017, Cơ quan tiền tệ Singapore (MAS) đã ban hành một cơ chế pháp luật đơn giản hóa dành cho các công ty quản lý đầu tư mạo hiểm:

MAS sẽ gỡ bỏ yêu cầu bắt buộc các giám đốc và người đại diện tại các công ty quản lý đầu tư mạo hiểm phải có ít nhất năm năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý quỹ.

Các công ty quản lý đầu tư mạo hiểm cũng sẽ không phải tuân theo các yêu cầu về vốn và quy tắc đạo đức kinh doanh hiện đang được áp dụng với các nhà quản lý quỹ khác.

MAS sẽ sử dụng các biện pháp phòng chống rửa tiền hiện tại theo Đạo luật về Chứng khoán và Hợp đồng tương lai, đồng thời duy trì quyền kiểm soát đối với các công ty quản lý đầu tư mạo hiểm không thể triển khai các biện pháp phòng chống rửa tiền nói trên.

Các quỹ đầu tư mạo hiểm được quản lý bởi một công ty riêng lẻ cũng cần đáp ứng những nhu cầu sau đây, nhằm đảm bảo chất lượng của cơ chế này:

Đầu tư vào các dự án kinh doanh mạo hiểm chưa niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán;

Đầu tư ít nhất 80% nguồn vốn cam kết vào chứng khoán do các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo hoạt động dưới mười năm trực tiếp phát hành;

Các cổ phần của quỹ không được tiếp tục phát hành để đăng ký mua mới sau khi gọi vốn kết thúc, và chỉ có thể được mua lại vào cuối chu kỳ đầu tư vốn;

Chỉ được cung cấp tới các nhà đầu tư được công nhận và/hoặc các nhà đầu tư tổ chức.

Malaysia:

Malaysia đã ban hành văn bản Hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp đầu tư mạo hiểm, đầu tư tư nhân và doanh nghiệp quản lý, có hiệu lực từ ngày 09/3/2015.

Theo Đạo luật Kinh doanh Chứng khoán Malaysia năm 1983, bất kỳ ai tiến hành kinh doanh chứng khoán đều phải có giấy phép kinh doanh. Các hoạt động của quỹ đầu tư mạo hiểm và quỹ đầu tư tư nhân thuộc danh mục này và bắt buộc phải tuân thủ theo các yêu cầu trong hướng dẫn, Ví dụ: Một quỹ đầu tư mạo hiểm đã đăng ký và các công ty quản lý của quỹ đó không được phép sử dụng quá 20% quy mô quỹ để đầu tư chứng khoán đã niêm yết; Mức vốn góp chủ sở hữu tối thiểu của quỹ đầu tư mạo hiểm là 100.000 RM (25.540USD) và 500.000 RM (127.700 USD) đối với các quỹ đầu tư tư nhân; Các quỹ đầu tư mạo hiểm và đầu tư tư nhân phải có ít nhất hai người chịu trách nhiệm

1. https://www.businessfinland.fi/en/for-finnish-customers/services/funding/startup/in-brief/ [↑](#footnote-ref-1)
2. Tài liệu khóa đào tạo về đổi mới sáng tạo tại Singapore và Phần Lan do IPP2 tổ chức vào tháng 11-12/2017. [↑](#footnote-ref-2)
3. Sách trắng về doanh nghiệp nhỏ tại Nhật Bản 2017 [↑](#footnote-ref-3)
4. Sách trắng về doanh nghiệp nhỏ tại Nhật Bản 2017 [↑](#footnote-ref-4)